

Trại nuôi số 01 Công ty Cổ phần Việt An
Công ty Cổ phần Việt An (ANVIFISH Co.)
Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Báo cáo đánh giá sau cùng*



CAB: Institute for Marketecology (IMO)
Author: M.Stark
Date: 17.12.2012

* Báo cáo này công bố công khai và không chứa các thông tin bảo mật.

Mục lục

Chú giải

Error! Bookmark not defined.

1.	Tóm tắt	
	Error! Bookmark not defined.	
2.	Thông tin liên lạc của cơ quan chứng nhận	4
3.	Khái quát vùng nuôi áp dụng	4
4.	Phạm vi	4
5.	Kế hoạch đánh giá	
	Error! Bookmark not defined.	
6.	Các điểm được tìm thấy	
	Error! Bookmark not defined.	
	Việc Mô tả tình trạng chứng nhận có thể tìm thấy trong phần 8 của báo cáo này.	6
7.	Đánh giá kết quả	
	Error! Bookmark not defined.	
8.	Quyết định	
	Error! Bookmark not defined.	
9.	Sự xác định chuỗi hành trình sản phẩm	7
10.	Báo cáo các điểm không phù hợp	
	Error! Bookmark not defined.	
11.	Kế hoạch đánh giá tiếp theo	9
	Các phụ lục	
	Error! Bookmark not defined.	
	Phụ lục 1a Kết quả đánh giá P1-6	10
	Phụ lục 1b Kết quả đánh giá P7	10
	Phụ lục 2. Phân loại điểm không phù hợp (minor / major non-conformities)	11
	Phụ lục 3 Mẫu 1 – Yêu cầu về việc giải thích hoặc tranh luận	12
	Phụ lục 4 xem xét các bên liên quan	13

Chú giải

ASI	Tổ chức chứng nhận quốc tế
CC	Hội đồng chứng nhận IMO
d	ngày
IMO	Institute for Marketecology
TOS	Tori Spence
Lead	đánh giá viên trưởng
MIS	Michèle Stark
UOC	Đơn vị chứng nhận
TXS	Trần Xuân Sang
NY	Nina Yang

1. Tóm tắt

Bất cứ phiên bản báo cáo nào bằng ngôn ngữ không phải tiếng Anh là 1 bản dịch chưa được thẩm định, và trong trường hợp có các bản khác với bản tiếng Anh bản tiếng Anh là ưu tiên.

Trại nuôi cá Tra số 01 công ty Cổ phần Việt An tọa lạc tại Xã Vĩnh Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang và thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Việt An – ANVIFISH Co. Trại nuôi cá Tra nuôi ao.

Trong quá trình đánh giá về môi trường, không có lỗi chính yếu, có 03 lỗi thứ yếu (03 lỗi đã được khắc phục trước khi công bố báo cáo này) và không có khuyến cáo được đưa ra. Trong quá trình đánh giá trách nhiệm xã hội, không có lỗi chính yếu, có 02 lỗi thứ yếu (02 lỗi đã được khắc phục trước khi công bố báo cáo này) và không có khuyến cáo được đưa ra.

Bên cạnh việc nuôi, phạm vi đánh giá cũng bao gồm: thu hoạch, vận chuyển và nhà thầu phụ vận chuyển đến nơi chế biến. Chúng nhận chuỗi giám sát cũng được yêu cầu từ lúc cá được đưa ra khỏi ghe ở nhà máy chế biến

IMO xác nhận tất cả các yêu cầu của Tiêu chuẩn đã được đáp ứng và Trại nuôi số 01 công ty Cổ phần Việt An được chứng nhận.

2. Thông tin liên lạc của cơ quan chứng nhận

Institute for Marketecology (IMO)
Fisheries & Aquaculture
Weststr. 51
8570 Weinfelden, Switzerland

Tel: 0041-71-626 0 626 (general)

Email: agua@imo.ch

Website: www.imo.ch

3. Khái quát về vùng nuôi áp dụng

Trại nuôi cá Tra số 01 công ty Cổ phần Việt An áp dụng việc chứng nhận Tiêu chuẩn ASC cho cá Tra thuộc sở hữu của Công ty Cổ Phần Việt An – Anvifish Co. Trại nằm trong vùng được phê duyệt phát triển nuôi trồng thủy sản theo quyết định số 1788/QĐ-UBND của Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang. Diện tích tổng cộng là 13,3 ha và sản lượng hàng năm là 2957 tấn. Trại có 01 ao để xử lý nước cấp đầu vào, 01 ao để xử lý nước thải, 01 ao chứa bùn và 10 ao nuôi cá Tra; 06 ao để nuôi cá thương phẩm, 02 ao nuôi cá bố mẹ, 02 ao nuôi cá giống.

Các ao nuôi cá thương phẩm và ao bùn được thành lập vào năm 2007 và các ao cá giống được thành lập từ năm 2011.

Vùng nuôi có 03 mặt phía xung quanh trại giáp với đất ruộng lúa. Trại sử dụng chung nước từ kênh Mặc Cần Dưng với cộng đồng xung quanh. Nước thải nuôi cá được xử lý bằng các biện pháp cơ học và sinh học. Kinh tế của các hộ dân cộng đồng xung quanh chủ yếu là buôn bán nhỏ và nông nghiệp (trồng lúa).

Có 18 nhân viên làm việc trong trại. Trại có một văn phòng, kho thức ăn cho cá, và nhà ở cho nhân viên. Đa số công nhân có thể ở lại trại và có nhà ở và bữa ăn tại trại.

Trại nuôi cá Tra số 01 công ty cổ phần Việt An cũng đã đạt chứng nhận Global G.A.P.

4. Phạm vi

Đánh giá thực hiện theo tiêu chuẩn ASC cho cá Tra phiên bản 1.0.

Loài được đánh giá là cá Tra (*Pangasius hypophthalmus*)

Phạm vi đánh giá: Trại nuôi cá Tra Công ty Cổ phần Việt An số 01.

Nguồn nước cung cấp: Kênh Mặc Cần Dưng. Trại nuôi sử dụng chung nguồn nước này cho trại giống, tuy nhiên trại giống không nằm trong phạm vi chứng nhận.

5. Kế hoạch đánh giá

Hoạt động	Nơi làm việc	Nhân sự	Ngày*
Xem lại dữ liệu trước đánh giá	Trụ sở chính IMO	MIS	13.09.2012
Đánh giá (Nguyên tắc 1-6)	Trại nuôi Anvifish 01	TXS (lead)	29 & 30.10.2012
Đánh giá (Nguyên tắc 7)	Trại nuôi Anvifish 01	NY	30.10.2012
Họp và phỏng vấn các bên liên quan	Văn phòng địa phương ở Xã Vĩnh Bình	NY	30.10.2012
Viết báo cáo	Trụ sở chính IMO	MIS	05.11.12
Xem lại báo cáo	Trụ sở chính IMO	TOS	11.11.12
Gửi báo cáo cho khách hàng	Trụ sở chính IMO	TOS	16.11.12
Cập nhật báo cáo	Trụ sở chính IMO	TOS	26.11.12
Gửi báo cáo nháp cho ASC	Trụ sở chính IMO	TOS	27.11.12
Phản hồi của các bên liên quan			10 days
Cập nhật báo cáo	Trụ sở chính IMO	TOS	14.12.12
Quyết định chứng nhận	Trụ sở chính IMO	TOS CC	17.12.12
Gửi báo cáo cuối cùng cho ASC	Trụ sở chính IMO	TOS	18.12.12

* Các bản báo cáo trước sẽ không được công bố.

Đánh giá được thực hiện có tham gia của ông Đỗ Minh Thức – Phó phòng Quản lý Chất lượng, Ông Bùi Phú Kiệt – Trợ lý Tổng Giám đốc. Nhân viên khác như Ông Đoàn Trí Thức – Chuyên gia sức khỏe thú y thủy sản, Ông Nguyễn Minh Hoàng – Chuyên viên kỹ thuật, Ông Lê Trọng Tài cùng tham gia đánh giá, theo các trách nhiệm và tiêu chí đánh giá.

Cuộc phỏng vấn các bên liên quan và cộng đồng được thực hiện với sự tham gia các thành viên:

Họ và Tên	Mối quan hệ
Nguyen Minh Tri	Đại diện nhà cung cấp
Huynh Van Hoang	Viên chức địa phương
Le Chi Tam	Hộ xung quanh
Nguyen Van Tuan	Hộ xung quanh
Bui Van Vy	Hộ xung quanh
Tran Van Tan Tho	Hộ xung quanh
Ho Van	Hộ xung quanh
Ho Thi Bich Lien	Viên chức địa phương
Trinh Hoan Sang	Viên chức địa phương
Tran Van Chan	Hộ xung quanh
Le Thanh Hiep	Người mua hàng
Nguyen Van Ke	Hộ xung quanh

Đánh giá lần đầu.

6. Các điểm được tìm thấy

Các chi tiết về các bằng chứng của sự phù hợp được tìm thấy trong quá trình đánh giá theo từng điều khoản của tiêu chuẩn có thể xem ở Phụ lục 1.

Bất cứ các điểm không phù hợp đáng chú ý nào và các hành động khắc phục tương ứng được liệt kê trong phần 10 của báo cáo này. Bất kỳ khuyến cáo hoặc các điểm không phù hợp đã được đóng sẽ không được liệt kê và ở phụ lục 1.

Trại có thiết lập các thủ tục và các chính sách tuân thủ về mặt xã hội trọn vẹn theo tiêu chuẩn ASC, và đạt được hầu hết các yêu cầu của tiêu chuẩn ASC, cả về mặt duy trì hồ sơ tài liệu cũng như thực hành thực tế.

Theo kết quả phỏng vấn cộng đồng với các bên liên quan, không có phản hồi tiêu cực về trại được đưa ra. Đánh giá viên phỏng vấn 03 công nhân trong trại; các công nhân đều khẳng định họ hài lòng khi làm việc ở đây và được thỏa mãn về thu nhập, điều kiện làm việc cũng như giờ giấc làm việc.

Ông Phạm Sĩ Được là người được phân công chịu trách nhiệm về việc thiết lập và duy trì hệ thống tuân thủ về mặt xã hội, ông có kinh nghiệm nhiều về lĩnh vực tuân thủ về mặt xã hội và hiểu biết về tiêu chuẩn ASC.

Các cuộc phỏng vấn cộng đồng rộng hơn khẳng định rằng các điểm tìm thấy khi đánh giá và các cá nhân được phỏng vấn ủng hộ công trình này.

Chi tiết về việc lấy ý kiến các bên liên quan xem xét nhận được trong qua quá trình chứng nhận, vui lòng xem phụ lục 4.

Do khách hàng đặt hàng khẩn cấp, đợt thu hoạch lần sau chót được thực hiện 2 tuần trước khi đánh giá chính thức tuy nhiên đã được thông tin đến cơ quan chứng nhận. Vì lý do này đánh giá viên đã không được quan sát việc thu hoạch trong quá trình đánh giá. Đánh giá viên có thể thăm tra hầu hết các thủ tục trong quá trình từ thả giống đến vận chuyển về nơi chế biến với những ao đã thu hoạch, tuy vậy lần đánh giá năm tới phải bao gồm một cuộc quan sát quá trình thu hoạch.

Tất cả các phép đo lường và phân tích nước được nhận thấy tuân thủ hoàn toàn.

Nhìn chung, trại được đánh giá có chuẩn bị tốt cho đánh giá với các dữ liệu tiền đánh giá sẵn có trước khi đánh giá. Đánh giá viên đã tiếp cận một cách cởi mở với tất cả các tài liệu, trại và các nhân viên/công nhân khi có yêu cầu, trại được quản lý và tư liệu hóa tốt và nhân viên được đào tạo để thực hiện các thủ tục trong trại. Các nỗ lực đã được thực hiện để hợp tác với thôn xóm địa phương.

Sự mô tả tình trạng chứng nhận có thể tìm thấy trong phần 8 của báo cáo này.

7. Đánh giá kết quả

Chi tiết về bằng chứng của sự phù hợp của mỗi điều khoản theo tiêu chuẩn có thể tìm thấy trong Phụ lục 1.

8. Quyết định

IMO xác định Trại nuôi cá Tra số 01 của Công ty cổ phần Việt An đạt các yêu cầu của tiêu chuẩn và được phát hành chứng nhận theo phạm vi được xác định ở phần 4 của báo cáo này. Các điểm không phù hợp và hành động khắc phục tương ứng được liệt kê trong phần 10. của báo cáo này.

9. Xác định điểm bắt đầu của chuỗi hành trình sản phẩm

Đánh giá rủi ro – Chuỗi hành trình của sản phẩm trong trại nuôi

L – ít rủi ro: không có các hoạt động gây rủi ro hoặc có một hệ thống kiểm soát chặt chẽ tại chỗ (e.g. giấy phép).

M – rủi ro trung bình: có các hoạt động xảy ra tại trại nhưng có hệ thống kiểm soát tốt tại trại.

H – rủi ro cao: các hoạt động đã xảy ra, có nguy cơ trộn lẫn và hệ thống kiểm soát sẵn có chưa đầy đủ.

Điều khoản tham chiếu	Tính toàn vẹn của sản phẩm được chứng nhận	Rủi ro liên quan	Lý do
17.5.1	Hệ thống sử dụng	L	Global G.A.P chứng nhận cho trại
17.5.1.2	Cơ hội của sự thay thế trước khi thu hoạch	L	Ít động cơ cho sự thay thế.
17.5.1.3	Khả năng đưa sản phẩm bên	L	Không có các trại cá Tra khác

	ngoài vào đơn vị chứng nhận		gần đó.
17.5.1.4	Sự trung thực trong hệ thống quản lý	L	Hệ thống quản lý đủ năng lực
17.5.1.5	Các hoạt động vận chuyển đang sử dụng	L	Sử dụng ghe vận chuyển của nhà thầu phụ dưới sự kiểm soát của Anvifish
17.5.1.6	Số lượng và địa điểm thu hoạch	L	Thu hoạch thực hiện tại mỗi ao
	Đánh giá rủi ro tổng thể	L	

Nếu cơ quan chứng nhận xác định hệ thống này toàn vẹn, sản phẩm có thể đưa vào chuỗi hành trình sau này và sản phẩm có đủ điều kiện để dán nhãn ASC.

Phạm vi của chứng nhận nuôi trồng thủy sản, bao gồm các điểm thay đổi về quyền sau khi chứng nhận là cần thiết:

Bên cạnh việc nuôi trồng, phạm vi của chứng nhận bao gồm việc thu hoạch, điểm giao nhận và vận chuyển cá bằng ghe bởi nhà thầu phụ đến điểm chế biến. Chứng nhận chuỗi hành trình của sản phẩm cần phải có kể từ nơi thu hoạch.

Không chấp thuận áp dụng cho sản phẩm thu hoạch được trước đó. Chỉ có sản phẩm được thu hoạch kể từ ngày được chứng nhận được phê duyệt có logo ASC.

Nếu cơ quan chứng nhận xác định hệ thống chưa đầy đủ, sản phẩm sẽ không được đưa vào chuỗi hành trình và không đủ điều kiện được dán nhãn ASC.

Các sản phẩm sau không được đưa vào chuỗi hành trình được chứng nhận và không đủ điều kiện dán nhãn ASC:

Không có

Việc xác định này vẫn có hiệu lực đến khi có sự thay đổi bởi cơ quan chứng nhận trong lần đánh giá tới.

10. Báo cáo các điểm không phù hợp

Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Việt An – ANVIFISH Co.					
Điều khoản số	Năm	Phân loại	Điểm không phù hợp (Tổng hợp)	Kế hoạch hành động	Ngày hoàn thành
Điều khoản chung	2012	Khuyến cáo	<u>Khuyến cáo: Thu hoạch</u> Đánh giá viên không thể quan sát các hoạt động thu hoạch do trại đã thu hoạch trước ngày đánh giá. Đánh giá năm tới phải được sắp xếp trong lúc thu hoạch.		Thẩm tra lại trong lần đánh giá tới

Điều khoản số: Số của điều khoản chưa tuân thủ hoàn toàn (như: 1.1.1). Trong trường hợp nghi ngờ cho thấy ít nhất Chương của báo cáo.

Năm: Năm đầu tiên khi điểm không phù hợp đã quan sát được.

Phân loại: Phân loại lỗi: khuyến cáo, thứ yếu hoặc chính yếu

Điểm không phù: Khác biệt với tiêu chuẩn.

hợp

Kế hoạch hành động: *Biện pháp để sửa chữa điểm không phù hợp được công ty công bố và IMO phê duyệt. Áp dụng các biện pháp khắc phục để hoàn tất theo Thời hạn hoàn thành.*

Thời hạn hoàn thành: *Thời hạn mà IMO sẽ đánh giá việc thực hiện các biện pháp khắc phục.*

Tình trạng: *Tình trạng thực hiện các biện pháp khắc phục : đã thực hiện, thực hiện một phần, không thực hiện*

Khuyến cáo: *Khuyến cáo (không yêu cầu kế hoạch thực hiện)*

Thứ yếu: *Điểm không phù hợp thứ yếu: xem Phụ lục 2*

Chính yếu: *Điểm không phù hợp chính yếu: xem Phụ lục 2*

11. Kế hoạch đánh giá lần tới

Kế hoạch đánh giá giám sát lần tới; (tháng, năm):	Tháng 10 năm 2013
Hoàn thành tái chứng nhận 3 năm 1 lần; chậm nhất (năm):	2015

IMO có quyền thực hiện các cuộc đánh giá không báo trước theo các thủ tục hoạt động chuẩn của IMO (SOPs). Tương tự như vậy đánh giá bổ sung có thể thực hiện trong khuôn khổ việc xem xét tài liệu.

Phản hồi của nhà sản xuất:

Không

Nhà sản xuất xác nhận thống nhất với báo cáo này và đã cam kết thực hiện các biện pháp/hành động khắc phục. Quyết định chứng nhận cuối cùng được thực hiện bởi nhân viên chịu trách nhiệm chứng nhận của IMO.

Phụ lục

Phụ lục 1a. Kết quả đánh giá trang 1-6

Vui lòng xem file riêng. Thông tin dưới đây được bảo mật và không công bố công khai:
Dữ liệu giám sát và phân tích nước

Phụ lục 1b. Kết quả đánh giá trang 7

Vui lòng xem file riêng.

Phụ lục 2. Phân loại điểm không phù hợp

Điểm không phù hợp thứ yếu:

Trong lần đánh giá đầu tiên, cơ quan chứng nhận có thể đề nghị người nộp đơn xác nhận một kế hoạch hành động để giải quyết các điểm không phù hợp đã được đồng ý bởi cả khách hàng và cơ quan chứng nhận.

i. Kế hoạch hành động bao gồm một mô tả ngắn gọn:

A. Các nguyên nhân gốc rễ không phù hợp

B. Các hành động khắc phục được thực hiện được dự định để giải quyết thỏa đáng không hợp.

C. Khung thời gian để thực hiện hành động khắc phục.

ii. Điểm không phù hợp nhỏ có thể được gia hạn một lần cho thời gian tối đa 1 năm nếu thực hiện đầy đủ các hành động khắc phục là không thể do hoàn cảnh ngoài sự kiểm soát của khách hàng.

b) Cơ quan chứng nhận có thể nâng thành lỗi chính yếu nếu lỗi thứ yếu bị lặp lại theo 1 yêu cầu đặc biệt.

c) Cơ quan chứng nhận có trách nhiệm yêu cầu tất các lỗi nhỏ phải được giải quyết trong thời gian đánh giá tiếp theo (trong 1 năm)

Điểm không phù hợp chính yếu:

a) Các cơ quan chứng nhận có trách nhiệm yêu cầu các lỗi chính yếu phải được giải quyết thỏa đáng bởi bên được đánh giá.

i. Trước khi cấp giấy chứng nhận được cấp.

ii. Trong thời hạn ba tháng kể từ ngày đánh giá hoặc đánh giá lại được yêu cầu.

iii. Nguyên nhân của sự không phù hợp được xác định.

b) Trong trường hợp lỗi lớn được đưa ra trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận, cơ quan chứng nhận có trách nhiệm yêu cầu:

i. Người giữ chứng nhận giải quyết sự không phù hợp trong thời hạn tối đa ba tháng

ii. Điểm không phù hợp lớn có thể được gia hạn một lần cho thời gian tối đa 3 tháng nữa nếu thực hiện đầy đủ các hành động khắc phục là không thể do hoàn cảnh ngoài sự kiểm soát của khách hàng.

iii. Nguyên nhân của sự không phù hợp được xác định.

Annex 3. Form 1– Request for Interpretation or Variance

This form is for the submission of requests by CABs to ASC to request interpretations of ASC normative requirements and/or requests for variance from specific normative requirements.

I CAB Request

1.1 NAME OF CAB	1.2 DATE OF SUBMISSION	1.3 CAB CONTACT PERSON	1.4 EMAIL ADDRESS OF CAB CONTACT PERSON
Not used			
1.5 ASC DOCUMENT REFERENCE			
1.6 BACKGROUND (PROVIDE FULL EXPLANATION OF THE ISSUE)			
1.7 RECOMMENDED ACTION/DECISION			

II ASC Determination

2.1 STATUS	2.2 DATE OF ASC DETERMINATION
<input type="checkbox"/> Closed	
2.3 ASC DETERMINATION ON VARIANCE	
2.3 ASC INTERPRETATION	

Annex 4. Stakeholder submissions

including written or other documented information and CAB written responses to each submission.

Public consultation period	Stakeholder submission	IMO Response
Audit announcement (30 days prior to audit)	No submissions received	n/a
Draft public report (10 days from report publication)	No submissions received	n/a